

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **41/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 12-7-2019

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Mai Thanh Minh

Bà Phan Thị Hiếu

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lương Thị Liên – Là Thư ký
Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai tham gia
phiên tòa:** Ông Nguyễn Hồng Sơn– Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 349/2019/TLST-HNGĐ ngày 13/5/2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Danh P, sinh năm 1988.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 269B, ấp D, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Chị Thị L, sinh năm 1980

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp H, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Tạm trú: Nhà trọ Trần Đức Thọ, ấp 2, xã H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Anh Pho và chị L vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/5/2019 và các lời khai tại tòa, nguyên đơn anh Danh P trình bày: Anh và chị Thị L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 47 ngày 02

tháng 08 năm 2017. Việc kết hôn giữa anh và chị Thị L trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống, anh chị không có con chung và thường xuyên bất đồng quan điểm sống dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. anh P xác định không còn tình cảm với chị L, vợ chồng sống ly thân khoảng 01 năm nên anh khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Thị L.

Về con chung: Anh và chị Thị L không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Danh P khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Pho đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa đề ngày 11/7/2019.

Tại bản tự khai đề ngày 11/7/2019 chị L trình bày: Chị và anh Danh P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 47 ngày 02 tháng 08 năm 2017. Việc kết hôn giữa chị và anh Danh P trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, nay anh Danh P khởi kiện ly hôn thì chị đồng ý.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung giữa chị và anh Danh P không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Thị L xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Danh P, xử cho anh Danh P được ly hôn với chị Thị L. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Danh P khởi kiện ly hôn chị Thị L, chị L hiện đang sống tạm trú tại nhà trọ ông Trần Đức Thọ, ấp 2, xã H, huyện N, tỉnh Đồng Nai, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện và Tòa án nhân dân huyện N thụ lý là đúng theo quy định tại Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Danh P, chị Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Pho, chị L.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Danh P và chị Thị L có đăng ký kết hôn, trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 47 ngày 02 tháng 08 năm 2017 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên anh Danh P khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Thị L. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, anh Danh P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn chị Thị L.

Tại bản tự khai đề ngày 11/7/2019 chị L đồng ý ly hôn và xin vắng mặt tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của anh Danh P là có cơ sở chấp nhận bởi lẽ: anh P và chị L đều thừa nhận cuộc sống hôn nhân có mâu thuẫn, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, hôn nhân không hạnh phúc mặt khác lại không có con chung. Thực tế vợ chồng đã ly thân khoảng 01 năm nay, anh P sống ở Kiên Giang, chị L sống tạm trú ở H. chị L cũng có ý kiến đồng ý ly hôn với anh Danh P. Xét quan hệ hôn nhân giữa anh P và chị L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh P cho anh P được ly hôn với chị L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: anh P và chị L đều khai không có nên không xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: anh P và chị L đều khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: anh P phải chịu 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm trong vụ án Hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “Ly hôn” của anh Danh P đối với chị Thị L.

Xử cho anh Danh P được ly hôn với chị Thị L.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự đều khai không có nên không xét.

2. Về án phí: Anh Danh P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000636 ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N. anh P đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thu Trang

